

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 3429/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Ông Chu Mạnh Tường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

X ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2022, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5036/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 5918/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh H, sinh năm: 1998

Địa chỉ: số nhà 21 Đường X, Khu phố Y, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm: 1995

Địa chỉ: số nhà 21 Đường X, Khu phố Y, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2021 và lời trình bày của bà Đinh Thị Thanh H:

Bà và ông Nguyễn Hoàng G tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 19/01/2017. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do ông G xử lý không hài hòa các vấn đề liên quan đến tiền bạc với cha mẹ hai bên, vợ chồng

không thống nhất trong chi tiêu tài chính gia đình nên bất hòa, Xờng xuyên cãi vǎ. Mặc dù bà cố gắng nhẫn nhịn để dung hòa tình cảm hai gia đình nhưng do tính cách của ông G vô tâm và thiếu chính kiến nên không thông cảm và tôn trọng bà, các mâu thuẫn không được khắc phục nên vợ chồng rạn nứt tình cảm và thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Tháng 7/2021 khi dịch Covid – 19 bùng phát, do bất đồng ý kiến về chuyện chi tiêu nên giữa vợ chồng xảy ra tranh cãi, sau đó ông G âm thầm về quê, bỏ lại bà và con nhỏ không quan tâm. Sau thời gian giãn cách xã hội bà nhiều lần liên lạc mong ông G quay về chung sống nhưng ông G không đồng ý. Đến tháng 12/2021 ông G trở về sống tại phòng trọ với bà nhưng giữa vợ chồng đã ly thân và không còn nói chuyện với nhau. Đến nay bà xác định không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình với ông G nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Nguyễn Hoàng G.

Con chung: Có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh X, sinh ngày 26/7/2017. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hoàng G đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đinh Thị Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Hoàng G. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Anh X cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc ông G thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ bản trích lục kết hôn số 43/TLKH-BS ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh B có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị Thanh H và ông Nguyễn Hoàng G là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông G tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông G đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông G không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay bà H yêu cầu ly hôn và ông G vắng mặt, không có ý kiến thể hiện thiện chí mong muốn đoàn tụ. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà H phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 134/02/TLKS-BS ngày 08/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh B cấp, đủ căn cứ xác định bà H và ông G có một con chung tên Nguyễn Hoàng Anh X.

Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Bà H có yêu cầu trực tiếp nuôi con, ông G vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con. Căn cứ yêu cầu của bà H và tình hình thực tế trẻ X đang sống cùng với mẹ, bà H có đủ điều kiện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con nên cần giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà H yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của trẻ X, xét thấy mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng nuôi con chung là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông G phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn, ông G phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83; 84; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Xông vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Thanh H về việc “Ly hôn” đối với ông Nguyễn Hoàng G;

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đinh Thị Thanh H được ly hôn ông Nguyễn Hoàng G.

1.2. Con chung: Giao con Nguyễn Hoàng Anh X (nữ), sinh ngày 26/7/2017 cho bà Đinh Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Hoàng G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 10/2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Hoàng G được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

Trường hợp bà Đinh Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Hoàng G không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026071 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

Ông Nguyễn Hoàng G phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND xã S, huyện Đ,
tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh